

Số: /GP-CVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

GIẤY PHÉP

CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

(Có giá trị đến hết ngày 17 tháng 02 năm 2029)

Cấp lần đầu ngày tháng năm 2021

CỤC TRƯỞNG CỤC VIỄN THÔNG

Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Viễn thông đã được sửa đổi, bổ sung theo các Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 12/2013/TT-BTTTT ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BTTTT ngày 18 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phân loại các dịch vụ viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 1458/QĐ-BTTTT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Viễn thông, đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1433/QĐ-BTTTT ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Xét Đơn số 1110/001/CV-DTSTELECOM ngày 10 tháng 11 năm 2020 kèm Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và Hồ sơ bổ sung theo công văn số 01-21/CV-DTSTELECOM ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Công ty TNHH DTS Telecom;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Cấp phép và Thị trường.

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp:

Tên giao dịch: CÔNG TY TNHH DTS TELECOM

Tên giao dịch quốc tế: DTS TELECOM COMPANY LIMITED

Tên viết tắt: DTS TELECOM

Địa chỉ trụ sở chính: 287B Điện Biên Phủ, Phường 07, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0316540932, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 10 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (sau đây gọi là Doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông theo các quy định sau:

1. Loại hình dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông cố định mặt đất sau:

a) Dịch vụ viễn thông cơ bản: Dịch vụ kênh thuê riêng; Dịch vụ kết nối Internet.

b) Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng có tốc độ tải thông tin xuống từ 256 kb/s trở lên.

2. Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông nêu tại khoản 1 Điều này trên phạm vi toàn quốc.

3. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp và bán lại.

4. Hình thức thanh toán: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông nêu tại khoản 1 Điều này theo hình thức thanh toán giá cước trả trước, trả sau.

5. Thuê kênh và kết nối: Doanh nghiệp được kết nối hệ thống thiết bị và dịch vụ viễn thông quy định tại Giấy phép này với các mạng viễn thông công cộng và dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác, được thuê kênh của các doanh nghiệp viễn thông và có nghĩa vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào hệ thống thiết bị và dịch vụ viễn thông được cung cấp theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối và thuê kênh.

6. Tài nguyên viễn thông: Doanh nghiệp không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu và số thuê bao viễn thông theo quy hoạch và quy định về quản lý kho số viễn thông; được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy định về quản lý tài nguyên Internet.

7. Giá cước: Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý giá cước viễn thông.

8. Chất lượng dịch vụ: Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng viễn thông.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, Doanh nghiệp có nghĩa vụ sau:

1. Đầu tư, triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông theo các nội dung của Giấy phép này, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam, quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của doanh nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông và thực hiện các quy định khác của pháp luật về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng viễn thông.

3. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện kết nối với hệ thống thu thập số liệu về viễn thông của Cục Viễn thông theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện hoạt động viễn thông công ích và các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ; thực hiện đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực viễn thông theo quy định của pháp luật.

9. Công bố nội dung Giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 23 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Viễn thông đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CỤC TRƯỞNG

Hoàng Minh Cường